

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 15/3/2021.

V/v: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên - Cán bộ Hội Phụ nữ thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

2. Ông Trần Công Danh - Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Mai Văn Thông – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 2717/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Đinh Thị T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

2. *Bị đơn:* Ông **Hoàng Đăng Đ**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

(Bà T, ông Đ có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/02/2021, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ kết hôn với nhau vào năm 1986, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, có tổ chức cưới hỏi. Trong thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng

sau đó đến năm 1999 phát sinh nhiều mâu thuẫn; Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính tình, chuyện nuôi dạy con cái dẫn đến hay gây gổ, cãi vã với nhau; ông Đ không lo làm ăn, nhậu nhẹt, hay đánh vợ con dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Vì con cái bà đã nhiều lần bỏ qua, tìm cách hòa giải, hàn gắn nhưng không có kết quả. Bà xác định mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà T xác định có ba con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 30/12/1988, Hoàng Thị Nga, sinh ngày 22/6/1991, Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 16/3/1995. Ba cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác định không có.

Do bận công việc nên bà đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Theo bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 26/02/2021 bị đơn ông Hoàng Đăng Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T kết hôn với nhau năm 1986, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương, có tổ chức cưới hỏi. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau hai vợ chồng xảy ra lục đục, cãi vã do ông hay nhậu nhẹt, bị rối loạn giấc ngủ, thần kinh ông không ổn định. Ông xác định đây là lỗi do ông gây nên. Vợ chồng đã tìm cách hòa giải nhưng không có kết quả. Nay, bà T làm đơn xin ly hôn thì ông xin bà T cho ông một cơ hội để hai vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì ông còn thương vợ con, hứa sẽ sửa đổi sai lầm nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ xác định ông và bà có ba con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 30/12/1988, Hoàng Thị Nga, sinh ngày 22/6/1991, Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 16/3/1995. Ba cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đ xác định vợ chồng không có nợ chung.

Do bận công việc nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, ngoài các chứng cứ các đương sự đã cung cấp từ khi thụ lý, nguyên đơn, bị đơn không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ

lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã thực hiện đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền; xác định quan hệ pháp luật, tư cách của đương sự và thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự có đủ căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Đ; Bởi lẽ, ngoài việc thừa nhận của bà T, ông Đ cũng như con chung của ông bà về mâu thuẫn gia đình giữa hai vợ chồng, Tòa án đã mời ông Đ lên làm việc, có lời khai nhưng sau đó Tòa án triệu tập nhiều lần ông Đ không đến Tòa để tham gia buổi hòa giải bảo vệ cuộc hôn nhân; Con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết; Về tài sản chung, đương sự xác định tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết; Về nợ chung, đương sự khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tố tụng:

- *Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp:*

Bà Đinh Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Hoàng Đăng Đ. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định bà T là nguyên đơn, ông Đ là bị đơn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn”.

- *Về thẩm quyền giải quyết:* Ông Hoàng Đăng Đ có địa chỉ thường trú và cư trú tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về thủ tục tố tụng khác: Bà Đinh Thị T, ông Hoàng Đăng Đ có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà Đinh Thị T và ông Hoàng Đăng Đ chung sống tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 12 vào ngày 06/12/1986. Đối chiếu quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân của bà T và ông Đ là hợp pháp.

Bà T và ông Đ đều thừa nhận sau quá trình chung sống ban đầu thì hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau.

Xét thấy: Quá trình làm việc cũng như hòa giải, bà T và ông Đ đều thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, hai vợ chồng hay gây gổ, xung đột, cãi vã với nhau, ông Đ không lo làm ăn, nhậu nhẹt, hay đánh vợ con dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin ly hôn; ông Đ xin bà T cho ông một cơ hội để hai vợ chồng hàn gắn đoàn tụ vì ông còn thương vợ con, hứa sẽ sửa đổi sai lầm nhưng lại không đưa ra được giải pháp gì cụ thể vì bản thân ông không có việc làm ổn định. Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định tiếp theo cho ông Đ nhưng ông Đ không đến làm việc, tham gia tố tụng cũng như tham gia phiên tòa xét xử. Điều này chứng tỏ ông Đ đã không còn thiết tha, không còn quan tâm và mặc kệ quan hệ hôn nhân với bà T. Mặt khác, hai người con chung của ông bà là Hoàng Thị Nga, Hoàng Đăng Đ cũng có lời khai ghi nhận cuộc sống hôn nhân của bố mẹ không hạnh phúc, bà T nhiều lần bị ông Đ đánh đập gây thương tích. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ là có thật, trầm trọng, cuộc sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, bà T được ly hôn ông Đ là phù hợp.

Về con chung: Bà T và ông Đ xác định có ba con chung là Hoàng Thị T, sinh ngày 30/12/1988, Hoàng Thị Nga, sinh ngày 22/6/1991, Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 16/3/1995. Ba cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Xét ý kiến của bà T, ông Đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T và ông Đ xác định tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà T và ông Đ khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Đinh Thị T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, 228, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T đối với ông Hoàng Đăng Đ.

Cho bà Đinh Thị T được ly hôn ông Hoàng Đăng Đ.

2. Về con chung: Cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 30/12/1988, Hoàng Thị Nga, sinh ngày 22/6/1991 và Hoàng Đăng Đ, sinh ngày 16/3/1995 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà T và ông Đ xác định tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà T và ông Đ khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007747 ngày 11/12/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Bà Đinh Thị T, ông Hoàng Đăng Đ được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hòa